

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-PT

Ngày: 21-12-2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngôn Ngọc Viên

*Các Thẩm phán:* Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Như

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Ma Kiên Q – sinh năm 1961. Có mặt

Địa chỉ: N, thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

**- Bị đơn:** Ông Hoàng Văn L – sinh năm 1947

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

- Ông Hoàng Mạnh H – sinh năm 1981. Địa chỉ: N, Thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Ông Nông Công LG – sinh năm 1972. Địa chỉ: L, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nông Công LG – sinh năm 1972. Có mặt

Địa chỉ: L, xã Thái C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

2. Hoàng Thị HG – sinh năm 1972. Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ma Kiên Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ma Kiên Q trình bày:

Khi tiến hành làm cầu Cô Tàu mới tôi có đồng ý cho Ban quản lý kinh tế cửa khẩu và đơn vị thi công sử dụng các thửa đất 82, 83, 104, 105 để làm cầu và đường tránh cho xe và người đi lại cũng như mặt bằng để vật liệu, các thiết bị thi công. Sau khi làm cầu xong, vì mặt bằng bị lấp đầy ông L đã tự đo đạc, cho máy xúc đào rãnh giữa thửa 96 của ông L và thửa 82, 83 của tôi. Qua kiểm tra tôi thấy rãnh đào hợp lý.

Đến năm 2017, Nhà nước tiến hành rải nhựa áp phan mặt đường tỉnh lộ 205 thì xảy ra mâu thuẫn vì tôi cho đơn vị thi công san khoảng  $0,5m^3$  đất đá thừa xuống rãnh. Vài ngày sau, cán bộ địa chính thị trấn H Quốc (nay là T) và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện gặp tôi và ông LG (con rể ông L) thống nhất cắm cọc sắt phân ranh giới ngay dưới chân cột điện (không lập biên bản).

Ngày 02/11/2017 tôi đang ở Hà Nội thì có nhận được điện thoại của cán bộ Phòng tài nguyên và môi trường yêu cầu 08 giờ hôm sau có mặt để đo đạc giáp ranh giữa thửa 96 và thửa 82, 83. Vì không thể về được nên tôi có bảo chị gái Ma Thị H ra xem giúp. Ba ngày sau tôi về thấy phần nền bê tông bị phá dọc theo bờ thửa 82 sâu từ mép vào 1,1m và một hàng gạch bê tông đã được xây lên cao 0,3m. Tôi đo lại kích thước thửa 96 và thửa 82 thấy khác thực tế sử dụng từ trước, sang đo thửa 108 của ông L thấy kích thước chiều dài lớn hơn giấy tờ mua bán. Sau khi cơ quan chức năng xuống làm việc, tôi có đề nghị xem thực trạng hàng gạch bê tông đã xây lấn lên bờ thửa 82 nhưng không được quan tâm và xem xét.

Thửa 108, tờ bản đồ số 72-5: UBND thị trấn có tổ chức họp hòa giải, nội dung cứ khẳng định phía ông L chỉ xây nhà cửa trong phạm vi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ vượt giấy tờ mua bán  $1,4m^2$  là hợp lý. Tôi có xác nhận số lượng diện tích trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ý kiến đề nghị giải quyết phạm vi diện tích đất ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được quan tâm và không được ghi vào biên bản. Thấy không thỏa đáng nên tôi đã làm đơn lên UBND huyện, UBND huyện tổ chức đo đạc tiếp giáp thửa 96 - 82, 83, 82 - 108. Các điểm đo đạc và kích thước đo đều khác lần trước và không ghi kích thước chiều dài đến đường của thửa 108 là 27m vào biên bản nên tôi không đồng ý.

Đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 73-5: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới khi đo đạc không có mặt của tôi cùng xác định giáp ranh nên xảy

ra có phần diện tích lấn chồng lên bờ thửa 82 do tôi quản lý, đồng thời là phần đi nội đồng của hơn 5 hộ dân canh tác phía sau. Phần chồng lên bờ thửa 82 rộng 1,2m, dài khoảng 12m, chồng đất mố cầu sâu từ đường vào hơn 2m, rộng 10m là không đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu ông L trả lại cho tôi phần đất lấn sang đất của tôi.

Đối với thửa 108, tờ bản đồ số 72-5 ông L đã xây lấn ra sau so với giấy tờ mua bán. Cụ thể chiều rộng là đúng, còn chiều dài sâu từ đường vào giấy tờ mua bán là 24m, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24,2m, thực tế là 27m (kích thước đo máy ngày 08/10/2009). Yêu cầu trả lại phần đất đang chiếm dụng ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc trả bằng tiền mặt theo giá thị trường.

**Người được bị đơn ủy quyền, ông Hoàng Mạnh H trình bày:** Tôi là con trai của ông Hoàng Văn L, nguồn gốc thửa đất 108, tờ bản đồ số 72-5 là bố tôi mua với ông Ma Kiên Q. Hiện nay, gia đình tôi quản lý, sử dụng đúng diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không lấn sang đất của ông Q. Đối với yêu cầu của ông Q, tôi không chấp nhận.

**Người được bị đơn ủy quyền Nông Công LG trình bày:** Tôi là con rể của ông Hoàng Văn L, nguồn gốc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 73-5 là của bố vợ cho vợ chồng tôi. Hiện nay vợ chồng tôi quản lý, sử dụng đúng diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không lấn sang đất của ông Q. Đối với yêu cầu của ông Q, tôi không chấp nhận.

Ngày 17/8/2021 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ các thửa đất tranh chấp.

Kết quả thẩm định:

Thửa đất tranh chấp là thửa 96, tờ bản đồ 73-5, diện tích 49,7m<sup>2</sup> và thửa 82, tờ bản đồ số 72-5, diện tích 238,2m<sup>2</sup>. Trên thửa đất số 96 có 01 cọc sắt cao khoảng 20cm do ông Q cắm, 01 hàng gạch do ông L xây (hiện đã phá, vẫn còn vài viên gạch). Đất tranh chấp có hình dạng tam giác, mặt đáy của tam giác tiếp giáp đường tỉnh lộ 205. Hàng gạch ông L xây là một cạnh của tam giác tiếp giáp thửa đất số 82 của ông Q.

Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 72, diện tích 169m<sup>2</sup>, trên đất là ngôi nhà 2 tầng đã cũ của ông Hoàng Văn L.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

Giữ nguyên hiện trạng ranh giới các thửa đất số 82, 83 và 108 tờ bản đồ số 72-5; thửa đất số 96, tờ bản đồ số 73-5 có địa chỉ tại xóm N, thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng (có sơ đồ kèm theo).

2. Về chi phí xem xét thẩm định: Buộc nguyên đơn ông Ma Kiên Q phải chịu 4.400.000đ (xác nhận ông Q đã nộp đủ).

Trả lại cho nguyên đơn Ma Kiên Q số tiền 1.600.000 đồng (xác nhận nguyên đơn đã nhận đủ 1.600.000 đồng).

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn Ma Kiên Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch và 4.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Bị đơn Hoàng Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xác nhận nguyên đơn đã tạm nộp 300.000 đồng, nay còn phải nộp tiếp 4.375.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn Quyết định về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn Ma Kiên Q có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ma Kiên Q giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thứ nhất: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 96, lập theo mốc hai bên đã sử dụng từ trước. Nội dung trong Biên bản hòa giải hồi 08 giờ ngày 11/4/2018 tại UBND thị trấn T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Ma Kiên Q và Hoàng Văn L (BL 5, 6, 49, 50) có khẳng định: Kết quả xác minh, đo đạc thực tế quản lý sử dụng đất có chiều rộng là 7 mét, chiều dài là 24 mét khớp với giấy tờ mua bán. Theo hồ sơ địa chính thửa đất trên có diện tích 169,4m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2009, diện tích được cấp và diện tích thực tế ông L đang sử dụng khớp với nhau. Ông Q đòi ông L trả lại 12 mét vuông là không có căn cứ. Phần giấy tờ mua bán và diện tích thực tế

chỉ chênh lệch 1,4m<sup>2</sup> trong sai số cho phép.

Tại biên bản về việc tiến hành đo đạc, kiểm tra ranh giới, diện tích các thửa đất của 02 hộ gia đình ông Hoàng Văn L và Ma Kiên Q tại khu vực có tranh chấp của UBND huyện T (BL 14, 15): Sau khi đo đạc và cắm lại ranh giới thửa đất số 96 của ông Hoàng Văn L thì thấy thửa đất Hoàng Văn L không chồng lên phần đất trong GCNQSDĐ của Ma Kiên Q.

Hơn nữa tại Công văn số 1304 ngày 09/12/2020 của UBND huyện K về việc trả lời đơn đề nghị giúp đỡ của Ma Kiên Q (BL 53) vụ việc đã được cấp có thẩm quyền đo đạc xác định ranh giới và cắm mốc. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 82, 83, 84 của ông Ma Kiên Q và thửa 96 là đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Các thửa đất 96 của ông Hoàng Văn L không chồng lấn sang phần đất thửa 82, 83, 84 của ông Ma Kiên Q.

Do đó nội dung kháng cáo này của ông Ma Kiên Q không có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 bác yêu cầu này của ông Ma Kiên Q.

Thứ hai: Giải quyết 1m đất ngoài phạm vi bia đỏ ông L đang làm bậc dốc lên xuống (1m x 7m = 7m<sup>2</sup>) theo giá thị trường hoặc cất đất như lời ông H cho tôi. Tại biên bản làm việc ngày 09/11/2020 của UBND thị trấn T xác định: sau khi đo đạc và cắm lại ranh giới các thửa đất, thửa đất số 96 của ông Hoàng Văn L không chồng lấn sang các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ma Kiên Q.

Căn cứ kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng ngày 17/8/2021 xác định: Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 73-5, diện tích 49,7m<sup>2</sup>; thửa đất số 108 tờ bản đồ số 72-5, diện tích 169m<sup>2</sup>. Như vậy diện tích các thửa đất trùng khớp với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Văn L. Thực tế hiện nay gia đình ông L đang quản lý sử dụng đúng, đủ diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không lấn sang các thửa đất liền kề của gia đình ông Ma Kiên Q.

Hơn nữa tại biên bản về việc tiến hành đo đạc, kiểm tra ranh giới, diện tích các thửa đất của 02 hộ gia đình ông Hoàng Văn L và ông Ma Kiên Q tại khu vực có tranh chấp hồi 9 giờ 40 ngày 08/10/2019 sau khi đo đạc và cắm mốc ranh giới các thửa đất số 82, 83, 84 của ông Ma Kiên Q thì thấy diện tích và hình thể các thửa đất theo đúng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ma Kiên Q đã được cấp. Ngoài ra ông Ma Kiên Q đã san lấp lấn chiếm ra bờ sông với diện tích 37,9m<sup>2</sup>.

Do đó nội dung kháng cáo này của ông Ma Kiên Q không có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 bác yêu cầu này của ông Ma Kiên Q.

Thứ ba: Đề nghị Tòa xử hủy 02 Quyết định của UBND thị trấn T, gồm Quyết định xử phạt và cưỡng chế di dời cột điện khỏi phần đất thửa 96 theo bản đồ địa chính vì lí do cột không ảnh hưởng đến giao thông công cộng vì nằm sâu sau lan can cầu 40cm cách mố cầu 3m; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 171/QĐ-XPHC ngày 18/11/2020 của UBND thị trấn T vì ranh giới hai thửa đất chưa rõ ràng đang trong quá trình giải quyết.

Tại Điều 293 BLTTDS năm 2015 có quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm: *“Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm quyết định của tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”*

Tại phiên tòa, ông Ma Kiên Q đã rút yêu cầu thu hồi 02 Quyết định xử phạt hành chính như đã yêu cầu trong đơn khởi kiện, do đó trong phạm vi xét xử phúc thẩm không xem xét đối với những yêu cầu đã rút trước đây. Căn cứ Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, Điều 175 BLDS 2015; khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX bác kháng cáo của nguyên đơn Ma Kiên Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn Ma Kiên Q trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 26; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ma Kiên Q và bị đơn Hoàng Văn L có cùng địa chỉ tại N, thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Ma Kiên Q:

Tại đơn kháng cáo, nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 845671 do UBND huyện T (nay là huyện K), tỉnh Cao Bằng cấp ngày 11/10/2018 cho ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị C đối với thửa đất 96, tờ bản đồ số 73-5 diện tích 52m<sup>2</sup>.

Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn L thể hiện thửa đất số 96 tờ bản đồ số 73-5 có diện tích 52m<sup>2</sup>, tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng xác định diện tích đất tại thửa đất số 96 tờ bản đồ số 73-5 là 49,7m<sup>2</sup>, ông Q có mặt tại buổi thẩm định không có ý kiến và ký xác nhận vào biên bản.

Như vậy, diện tích đất theo kết quả đo đạc (có sự sai số nằm trong sai số cho phép) phù hợp với diện tích đất mà gia đình ông L được cấp tại GCNQSDĐ. Việc ông Q cho rằng ông L lấn chiếm tại thửa 96 là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với thửa đất 108, tờ bản đồ số 72-5, diện tích 169,4m<sup>2</sup> gia đình ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 665106 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 29/10/2009. Theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 17/8/2021, diện tích của thửa đất số 108 là 169m<sup>2</sup> là trùng khớp với GCNQSDĐ mà gia đình ông L đã được cấp, mặt khác, tại biên bản hòa giải về tranh chấp đất đai ngày 11/4/2018 của UBND thị trấn H Quốc (nay là T) ông Q đã đồng ý với kết luận của Hội đồng hòa giải và ký vào biên bản hòa giải. Do đó, kháng cáo của ông Q đối với thửa đất số 108 là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 96 mang tên ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị C. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, ông Q không yêu cầu nội dung hủy GCNQSDĐ do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy 02 Quyết định của UBND thị trấn T, gồm Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 171/QĐ-XPVPHC ngày 18/11/2020 và Quyết định số 30a/QĐ-XPHC ngày 29/5/2018. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q không yêu cầu Tòa án xem xét, có ý kiến sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu trên của ông.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ma Kiên Q là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận do đó nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ma Kiên Q, giữ nguyên án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã

lần chiếm.

Giữ nguyên hiện trạng ranh giới các thửa đất số 82, 83 và 108 tờ bản đồ số 72-5; thửa đất số 96, tờ bản đồ số 73-5 có địa chỉ tại xóm N, thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng (có sơ đồ kèm theo).

**2. Về chi phí xem xét thẩm định:** Buộc nguyên đơn ông Ma Kiên Q phải chịu 4.400.000đ (xác nhận ông Q đã nộp đủ).

Trả lại cho nguyên đơn Ma Kiên Q số tiền 1.600.000 đồng (xác nhận nguyên đơn đã nhận đủ 1.600.000 đồng).

**3. Về án phí:** Buộc nguyên đơn Ma Kiên Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch và 4.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận nguyên đơn đã tạm nộp 300.000 đồng, nay còn phải nộp tiếp 4.375.000 đồng.

Nguyên đơn Ma Kiên Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung ngân sách Nhà nước, xác nhận ông Q đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004071 ngày 08/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Cao Bằng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS huyện K;
- TAND huyện K;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Ngôn Ngọc Viên**